

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ  
TÒA THÁNH TÂY NINH

---

*Tiểu Sử*  
**ĐỨC LÝ THÁI BẠCH**  
BIÊN KHẢO  
**HUỲNH TÂM**

**TÀI LIỆU SƯU TẦM – 2013**

---

Ebook được làm theo **ẤN-BẢN** phổ biến trên Website của **CAODAITV.FREE.FR**. Mọi góp ý, đề nghị bỏ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **HIÊN HỮU HUỠNH TÂM, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE CAODAITV.FREE.FR** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 20/09/2013

Tâm Nguyên

---

*Tiểu Sử*  
**ĐỨC LÝ THÁI BẠCH**  
BIÊN KHẢO: **HUYỀN TÂM**

---

---

## MỤC LỤC

TIỂU SỬ ĐỨC LÝ THÁI BẠCH .....	9
THƠ LÝ THÁI BẠCH .....	17
THÁNH GIÁO .....	31

---



**TÒA-THÁNH TÂY-NINH**

---



---

## TIỂU SỬ ĐỨC LÝ THÁI BẠCH

*\* BIÊN KHẢO HUỲNH TÂM*

701 Ngài Lý Thái Bạch chào đời tại làng Thanh Liêm huyện Chương Minh, tỉnh Tứ Xuyên, miền Tây Vực, là quê hương Tổ Phụ của Thân Mẫu, nay là một tỉnh của lục địa Trung Hoa. Ngài sinh cùng thời Võ Tắc Thiên cướp ngôi nhà Đường.

Truyền thuyết nói rằng: Thân Mẫu Ngài nằm mộng thấy sao Trường Canh rồi sinh ra Ngài rất là đỉnh ngộ, nên lấy tên là Lý Thái Bạch, sanh nhằm năm Trường An nguyên niên đời Đường Trung Tông.

Gia phả là hậu duệ của Lý Quán đời Hán, là cháu chín đời của Vũ Chiêu Vương nước Lương, cuối đời Tùy khoảng năm 610.

Vào một hoàn cảnh nào đó Thân Phụ và cả gia đình phải bỏ trốn sang Tây Vực sinh sống, mãi đến khi Triều đại của Võ Tắc Thiên suy sụp, cả gia đình của Ngài mới trở lại Lục địa, vào lúc Ngài vừa lên bảy tuổi.

707 Ngài Lý Thái Bạch học tại núi Hoa Sơn được mấy năm, nhưng đèn sách không thông chữ nghĩa, bởi cá tính học đâu quên đó, Ngài Lý Bạch bỏ lại chiếc ghế nhà trường, chào Thầy từ già bạn học ra về không vui, trên đường về dọc theo triền núi Hoa Sơn gặp một cụ Bà đương ngồi mài một cái chày tay bằng sắt. Ngài Lý Bạch đi ngang qua hỏi, cụ Bà không thèm để ý đến tình đời thế sự đang ở chung quanh và cũng chẳng màng ngó lại.

Ngài Lý Bạch hỏi cụ Bà:

*“Xin lỗi Bà, vậy chớ Bà mài chày sắt làm chi mà có vẻ chăm chỉ miệt mài lắm vậy?”*

Bà cụ liền trả lời:

*“Ta ở nơi đây xa chợ búa, lại chẳng có tiền để mua kim. Dụng ý ta mài chày này để làm kim, khâu vá áo quần”.*

Miệng vừa trả lời, tay không ngừng nghỉ có vẻ chăm chỉ với một tốc độ quyết liệt mài chày sắt hơn trước và cũng chẳng buồn ngó đến ngài thư sinh.

Ngài Lý Thái Bạch hỏi thêm:

*“Thôi sắt thì to như thế, mà cụ Bà mài như vậy biết bao giờ cho thành kim được?”*

Cụ Bà đáp rằng:

*“Nay không rồi thì mai rồi và cứ tiếp tục mãi như thế. Ta cứ cố chỉ mài mãi như vậy thì một ngày kia sẽ thành kim”.*

Ngài Lý Thái Bạch hiểu nghĩa ý của cụ Bà và xin từ giả.

Ngài vội vã trở lại trường, từ ấy Ngài đem hết tinh thần đặt vào sự học như Bà cụ mài kim, khối phép lạ thông minh ấy đến với Ngài như mở ra một chân trời rực rỡ.

Vài tháng sau Ngài đọc được Lục giáp. Đến 10 tuổi Ngài thông hiểu Thi Thư và thường xem sách Bách gia, vào tuổi thiếu thời Ngài đã lừng danh thông kinh sử.

715 Ngài Lý Thái Bạch xem kiếm pháp là một nghệ thuật và thường làm các bài phú mô phỏng cổ nhân, gởi thơ đến Hàn Kinh Châu và bài phú ngạo Tư Mã Tương Như.

716 Ngài Lý Thái Bạch cùng với Đông Nham Tử đi

---

ở ẩn tại phía Nam núi Dân Sơn.

720 Ngài Lý Thái Bạch trở thành mẫu người lừng danh hào hiệp, trọng nghĩa, khinh tài, trọng chí anh hùng hào hiệp, có lúc Ngài cùng làm việc dưới trướng của Thứ sử Ích Châu Tô Dĩnh, được Tô Dĩnh ca ngợi là Thiên tài, có thể sánh ngang hàng với Tư Mã Tương Như.

723 Ngài Lý Thái Bạch ngao du nhiều nơi danh lam thắng cảnh miền Đông Nam như: Tương Hán, Động Đình, Kim Lăng, Dương Châu, Nhữ Hải.

725 Năm Khai Nguyên thứ 23, Ngài Lý Thái Bạch đi đến miền Thái Nguyên [1], xin tha cho Quách Tử Nghi đang bị giam trong quân ngũ.

Rồi chu du Tề, Lỗ, và trú ngụ tại Nhiệm Thành. Nơi đây, Ngài với Khổng Sào, Phủ Hàn Chuẩn, Bùi Chính, Đào Cái, Trương Thúc Minh cùng đến núi Tố Lai ngao du, say sưa tại Trúc Khê, kết tình thi phú đặt hiệu là “*Trúc Khê lục dật*” (sáu nhà ẩn dật ở Trúc Khê).

---

(1). Không phải tỉnh Thái Nguyên miền Bắc Việt Nam ngày nay.

726 Ngài Lý Thái Bạch đến Vân Đông vịnh thơ trường ca sông núi và lập gia thất cùng với cháu gái của Hứa Tướng Công, sinh hạ được 4 người con, 3 trai và 1 gái.

730 Ngài Lý Thái Bạch bắt đầu tiếng tăm lừng lẫy, thơ kỳ tài, tuyệt bút được vang danh một vùng trời Trung Hoa, ở vào triều đại Thịnh Đường, qua nhiều bút hiệu như: Lý Thái Bạch, Trường Canh, Thanh Liêm Cư Sĩ và Lý Trích Tiên.

735 Ngài Lý Thái Bạch đến đất Quảng Lăng gặp

được Ngụy Hạo. Cải hai thi nhân cùng xuôi thuyền vào sông Tân Hoài, rồi đến Kim Lăng.

Tháng 11/735, An Lộc Sơn làm phản ở phía Bắc Trường Giang, Lý Thái Bạch vào Lữ Sơn, ẩn dật tại Bình Điệp.

740 Ngài Lý Thái Bạch trở về quê hương sống với cuộc đời trăng gió, tiêu dao ngày tháng, uống rượu làm thơ, thật là nhân tản.

742 Niên hiệu Thiên Bảo, Ngài Lý Thái Bạch cùng với nhà đạo sĩ Ngô Quân đi chơi ở Cối Kê ngụ tại Thiểm Trung. Rồi Lý Thái Bạch theo Ngô Trung về ngụ ở Trường An. Nơi đây Lý Thái Bạch gặp Hạ Tri Chương đang tại chức Thái Tử tân khách.

Hạ Tri Chương nói rằng:

*“Lý Thái Bạch là một Trích Tiên giáng trần”.*

Từ đó, Lý Thái Bạch và Hạ Tri Chương trở thành đôi bạn thơ rượu, ngày tháng đối ẩm ngâm thơ vịnh phú. Hạ Tri Chương tiến cử Lý Thái Bạch với Vua Đường Minh Hoàng, vua Đường Minh Hoàng mời vào điện Kim Loan phụ trách việc thảo thơ, và dâng lên nhà vua thiên:

*“Tuyên Đường hồng do và thảo tờ “Đáp Phiên thư”.*

Ngài giúp Vua Đường Minh Hoàng thảo tờ thư “Đáp Phiên Thư” bằng tiếng Tây Vực, là nhờ thuở nhỏ Ngài sống nơi quê Mẹ, được dạy dỗ thông thạo tiếng miền Tây Vực.

Ngài Lý Thái Bạch rất được sự tin dùng và quý trọng của Vua Đường Minh Hoàng, Vua ban rượu quý và phong chức Hàn Lâm Học Sĩ, chuyên giữ việc tín mật. thời gian ở Trường An Ngài kết giao rất nhiều thi hữu như: Hạ Tri

---

Chương, Thôi Tông Chi, Vương Tiến, Tô Tấn, Trương Húc, Tiêu Toại, Lý Thích Chi và lấy hiệu là “*Từ trung bát tiên*” (Tám vị tiên rượu).

Ngài Lý Thái Bạch rất ưa rượu, rượu vào thơ sản sinh những tuyệt tác, cho nên những thi hữu đương thời tặng cho Ngài bút hiệu Từ Trung Tiên.

Ở Trường An, Lý Thái Bạch làm thơ rất nhiều, có thể đúc kết thành thời kỳ sáng tạo của Trích Tiên:

– Theo Tập tự của Ngụy Hạo, một hôm Lý Bạch đang say. Vua triệu vào, sai thảo tờ xuất sứ chiếu, ông không thảo mà trái lại viết thành sách Quốc sử của Lý Thiệu, có lần ông đang ở Hàm Lâm.

Lý Bạch uống rượu say quá đà, nhà vua phải sai quân cận vệ phun nước vào người cho tỉnh để soạn nhạc từ.

Ngài tỉnh lại, vẩy bút viết luôn mười chương không suy nghĩ.

– Theo Tùng Song Lục của Vi Duệ, có lần vua Đường Minh Hoàng cùng Dương Quý Phi đi dạo và ra thưởng hoa mây gió.

Vì muốn làm vui lòng Dương Quý Phi nên vua liền cho mời Ngài Lý Thái Bạch đến và sai làm tân từ nhạc khúc tấu.

Đang lúc say lúy túy, vẩy bút viết một mạch thành ba bài “*Thanh Bình Điệu*”.

Và cho nhạc khúc tấu, hát hay tuyệt vời, rồi cũng vì bài “*Thanh Bình Điệu*” ấy, mà Ngài Lý Thái Bạch bị trở ngại trên bước quan trường.

Có lần vua thấy Ngài mang giày cũ và truyền cho

giày mới, Ngài Lý Thái Bạch liền gởi chân cho Cao Lực Sĩ, bảo phải cởi giày cho Ngài. Cao Lực Sĩ không dám cãi lời rồi làm theo. Nên sau này Cao Lực Sĩ trả thù, lấy ý gièm pha trong bài “*Thanh Bình Điệu*” bởi có hai câu thơ ví Quý Phi với Triệu Phi Yến, một cung nhân thất sủng ngày xưa, tấu với Quý Phi và có lần Vua Đường Minh Hoàng ý định phong quan cho Ngài, sung chức cao thì đều bị Quý Phi ngăn cản và bàn ra.

– Cũng theo sách của Ngụy Hạo, Ngài Lý Thái Bạch không tiến thân trên con đường hoạn lộ được là bởi sự gièm pha của Trương Kỳ.

745 Ngài Lý Thái Bạch vì chán ngán nơi Trường An nên xin về quê cũ và được Vua Đường Minh Hoàng ban tặng rất nhiều vàng bạc. Từ đó Ngài ngao du khắp chốn như:

Phía Bắc: nước Triệu, Ngụy, Tề và Tấn.

Phía Tây: đất Bân, Kỳ, Thương, U và Lạc Dương.

Phía Nam: Sông Hoài, sông Tứ và Cối Kê.

Ngài thường đi lại miền Tề, Lỗ (vì nơi đây gia đình Ngài đang sinh sống).

745–755 Ngài Lý Thái Bạch làm cánh chim thơ phiêu bạt được 10 năm, ở các miền Lương, Tống và kết thân rất nhiều thi nhân văn sĩ, vang danh cùng thời như: Cao Thích, Sâm Tham, Đỗ Phủ “*Đỗ Phủ kém Lý Thái Bạch 12 tuổi*”.

758 (Năm Càn Nguyên nguyên niên đời Túc Tông) Ngài Lý Thái Bạch vì nể lòng thương bạn hữu là Vĩnh Vương Lâm, nên chiêu ý ra giúp bạn tại Phủ Đô Đốc, đến

---

khi Vĩnh Vương Lâm tạo phản bỏ trốn, Ngài Lý Thái Bạch cũng trốn theo bạn và bị khép vào án tử hình. Nhờ Quách Tử Nghi nhớ ơn Ngài Lý Thái Bạch giúp ngày xưa, xin giải quan chuộc tội cho Ngài.

Ngài Lý Thái Bạch được giảm tội tử hình và phải bị đi đày.

Ngài được tha tội tại Vụ Sơn, vừa vào tuổi 59 chuẩn bị cho lực tuấn, Ngài ra khỏi tù vô cánh bay thẳng đến Hán Dương.

760 Ngài Lý Thái Bạch đến đất Trì Châu, An Khánh (thuộc tỉnh An Huy), để tìm chất liệu thi phú cuối cùng của một đời lãng mạn đi tìm núi non, mây, trăng, gió và rượu.

761, Ngài Lý Thái Bạch đến Kim Lăng, Tuyên Thành rồi Lịch Dương để sống những ngày vật lộn với tuyết sương.

762 Ngài Lý Bạch đến Đương Đô, rồi ở trọ tại nhà người cùng họ tức Lý Dương Băng, đang tại chức huyện lệnh Đương Đô.

Đến tháng tư thì Vua Đại Tông lên ngôi, có ý mời Ngài Lý Thái Bạch ra làm quan và phong chức Thập Di.

11/762 (Nhằm năm hiệu Bảo Ứng nguyên niên) Ngài Lý Thái Bạch mang trọng bệnh qui Thiên, hưởng thọ 62 tuổi.

Theo Đỗ Phủ, Vương Định Bảo và Hồng Dong Trai, thì Lý Thái Bạch chết đuối tại sông Thái Thạch (thuộc huyện Đương Đô) trong lúc tửu nhập say thơ.

Tục truyền rằng: Ngài Lý Thái Bạch đang say cúí mình xuống giòng sông bắt lấy bóng trăng, do đó bị đắm chìm và chết đuối.

Trên dòng sông Thái Thạch người sau có dựng lên một ngôi đài lấy tên là Tróc Nguyệt đài (đài bắt trăng).



---

## THƠ LÝ THÁI BẠCH

Sau khi Ngài Lý Thái Bạch qua đời, Lý Dương Băng gom góp thơ Ngài lại, thấy rằng trong số 20.000 bài Ngài làm trong lúc sinh thời chỉ còn lại 1/10. Phần nhiều thơ Ngài bị thất lạc và mất mát vào thời loạn An Lộc Sơn.

Năm 1080 Sung Minh Chiu mới thu lượm và gom góp lại một lần nữa được hơn 1800 bài.

Ngài Lý Thái Bạch được người đời vinh danh ca tụng Trích Tiên qua nhiều thi phẩm tuyệt tác, đến đời nay chúng ta xin trích và đọc lên những vần thơ ấy của Người, để kỷ niệm ngày qui Tiên của Người như sau:

### I.- ƯỚC ĐÔNG SƠN

*Bất hướng Đông Sơn cứu,<sup>(1)</sup>*

*Tường Vi kỷ độ hoa?*

*Bạch vân hoàn tự tán.*

*Minh nguyệt lạc thù gia.*

Nghĩa là: Nhớ núi Đông Sơn, Lâu ngày không đến núi Đông Sơn, thi sĩ tự hỏi cây tường vi từ ngày ấy đến nay đã mấy lần nở hoa? Đám mây trắng có còn bay tản mát như xưa? Vầng trăng sáng thuở trước có còn không hay đã rụng xuống nhà ai rồi?.

---

(1). **Đông Sơn:** Tên một ngọn núi ở phía Tây Nam huyện Thương Ngu, tỉnh Chiết Giang.

Phiên dịch:

### NHỚ ĐÔNG SƠN

*Lâu nay không đến Đông Sơn,*

Cây tường vi đã mấy lần nở hoa?

Mây xưa tan tác bay xa?

Trăng xưa rơi rụng xuống nhà, nhà ai?.

TƯƠNG TIẾN TỬU

Quân bất kiến Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai,

Bôn lưu đảo hải bất phục hồi.

Quân bất kiến cao đường minh cảnh bị bạch phát,

Triều như thanh ti<sup>(1)</sup> một thành tuyết.

Nhân sinh đặc ý tu tận hoan,

Mạc tử kim tôn không đổi nguyệt.

Thiên sinh ngã tài tất khả dụng,

Thiên kim tán tận hoàn phục lai.

Hội tu nhất ẩm tam bách bội,

Sâm phu tử<sup>(2)</sup> Đan khâu sinh<sup>(3)</sup>.

Tương tiến tửu bôi mạc đình,

Dữ quân ca nhất khúc.

Thỉnh quân vị ngã khuynh nhi thỉnh,

Chung cổ soạn ngọc<sup>(4)</sup> bất túc quý.

Đản nguyện trường túy bất nguyện tỉnh,

Cổ lai thánh hiền giai tịch mịch.

Duy hữu ẩm giả lưu kì danh,

Trần vương<sup>(5)</sup> tích thời yển Bình Lạc<sup>(6)</sup>.

Đầu tửu thập thiên tứ hoan hước,

Chủ nhân hà vị ngôn thiếu tiến.

Kính tu mô thủ đối quân chúc,

Ngũ hoa mã<sup>(7)</sup> thiên kim cừu<sup>(8)</sup>.

Hô nhi tương xuất hoán mã tửu,

---

*Dữ nhi đồng tiêu vận cổ sấu.*

---

- (1). **Thanh ti:** là tơ xanh,
- (2). **Sâm phu tử:** là Sâm Tham.
- (3). **Đan khâu sinh:** là Đan Nguyên Khâu,
- (4). **Soạn ngọc:** là thực đơn cao lương mỹ vị.
- (5). **Trần Vương:** là Trần tư Vương, Tào Thực,
- (6). **Bình Lạc:** là tên của một tửu lâu.
- (7). **Ngũ hoa mã:** là loại ngựa quý,(8) Thiên kim cừ: là áo lông cừu.

Phiên dịch:

**SẮP KÈO RƯỢU**

*Anh có thấy sông Hoàng hà,  
Con sông hùng vĩ nước sa lưng Trời.  
Dòng sông cuộn cuộn ra khơi,  
Ngược về nguồn núi có đời nào đầu.  
Lại có thấy tóc bạc đầu,  
Nhà cao gương sáng ầu sấu vì ai.  
Ban mai tóc mượt xanh dài,  
Chiều về trắng xóa như đài tuyết sương.  
Đời người lắm lúc lên hương,  
Rượu ngon chớ để chén không Trăng cài.  
Trời sinh ra nếu có tài,  
Chắc có chỗ đứng có hoài công đầu.  
Ngàn vàng tiêu hết không lo,  
Vàng sẽ trở lại trước sau với mình.  
Trâu dê giết, chén linh đình,  
Ba trăm ly nốc thỏa tình thì thôi.  
Sâm Đan hai bạn cũ ơi!*

Rượu ngon cứ rót chớ thôi ngại ngần.  
Vì anh hát khúc phân trần,  
Xin anh hãy chúc một lần vì ta.  
Trống chuông rượu ngọc mới là,  
Say cho thỏa mãn tình mà làm chi?.  
Xưa nay Hiền Thánh có gì,  
Riêng người uống rượu muôn thì lưu danh.  
Trần Vương thuở trước rành rành,  
Yến tiệc Bình lạc ngàn bành rượu tiên.  
Chủ nhân đừng ngại thiếu tiền,  
Mua thêm nhiều nữa cho duyên đậm đà.  
Áo cừ ngựa gấm đem ra,  
Rượu ngon hãy đổi cho ta một bầu.  
Cùng anh tiêu vụn cổ sầu!...

Nghĩ là: Lời thơ nhập tửu đã vượt ra ngoài vòng xoáy thi sĩ rồi từ ấy tiêu giao trên đất nước hùng vĩ Trung Hoa. Người say trong ý thức và làm đẹp cho muôn đời sau.

## II.- TỔNG HUNHÂN

Thanh sơn hoành bắc quách,  
Bạch thủy nhiều đông thành.  
Thử địa nhất vi biệt,  
Cô bồng vạn lý chinh.  
Phù vân du tử ý,  
Lạc nhật cố nhân tình.  
Huy thủ tự tư khí,  
Tiêu tiêu ban mã minh.

Nghĩa là:

---

(Tiễn bạn về rừng núi xanh vắt ngang quách bắc. Giòng sông trắng lượn quanh thành đông. Một lần từ biệt đất này, bạn như nắm cỏ bông lẻ loi đi xa muôn dặm. Ý du tử như đám mây nổi chóng tan. Tình cố nhân giống như mặt trời lặn. Bạn vẫy tay ra đi từ nay. Tiếng con ngựa lia đàn nghe rất buồn thương).

Phiên dịch:

### TIỄN BẠN

*Núi ngang ải bắc xanh xanh,  
Giòng sông trắng trắng lượn quanh đông thành.  
Lần này từ biệt đất lành,  
Cỏ bông muôn dặm một mình xa xôi.  
Ý du tử: đám mây trôi,  
Tình cố nhân: bóng mặt trời chiều hóm.  
Bạn đi, tay vẫy, hieu buồn,  
Lia đàn, ngựa hí đau lòng từ đây.*

### III.- Đ-ITỬU

*Khuyến quân mạc cự bôi,  
Xuân phong tiếu nhân lai.  
Đào lý như cữu thức,  
Khuy nh hoa hướng ngã khai.  
Lưu oanh để bích thụ,  
Minh nguyệt khuy kim loi.  
Tạc lai chu nhan tử,  
Kim nhật bạch phát thôi.  
Cức sinh Thạch Hồ điện,<sup>(1)</sup>  
Lộc tẩu Cô Tô đài.<sup>(2)</sup>*

*Tự cố để vương trách,  
Thành khuyết bế hoàng ai.  
Quân nhược bất ẩm tửu,  
Tích nhân an tại tai!*

- (1). **Thạch Hồ điện:** điện của Thạch Hồ. Đời Hậu Triệu, Thạch Hồ bày rượu tổ chức yến tiệc khao đãi quân thân tại điện Thái Vũ.  
**Phật Đổ Trùng lên điện vừa đi vừa ngâm rằng:** “Điện ơi! Điện ơi! Cây gai thành rừng, làm nát áo người”. Thạch Hồ cho xeo tảng đá lên thì thấy phía dưới quả cây gai mọc.
- (2). **Cô Tô đài:** Tên một cái đài bên Trung Hoa ngày xưa.

Phiên dịch:

### TRƯỚC RƯỢU

*Khuyên bạn đừng chê rượu,  
Gió xuân cười cợt người.  
Đạo lý bạn quen cũ,  
Nghiêng hoa nở vì ai.  
Cành biết chim oanh hót,  
Chén vàng trăng sáng soi.  
Bữa trước mặt non đại,  
Hôm nay tóc bạc rồi.  
Gai lan Thạch Hồ điện,  
Hương chạy Cô Tô đài.  
Xưa nay cung vua chúa,  
Thành khuyết ngập trần ai.  
Bạn sao không uống rượu,  
Người xưa nay còn ai?*

---

#### IV.-NGUYỆT HẠ ĐỘC CHƯỚC [1]

*Hoa gian nhất hồ tửu,  
Độc chước vô tương thân.  
Cử bôi yêu minh nguyệt,  
Đối ảnh thành tam nhân.  
Nguyệt ký bất giải ẩm,  
Ảnh đồ tùy ngã thân.  
Tạm bạn nguyệt tương ảnh,  
Hành lạc tu cập xuân.  
Ngã ca nguyệt bôi hồi,  
Ngã vũ ảnh linh loạn.  
Tĩnh thời đồng giao hoan,  
Túy hậu các phân tán.  
Vĩnh kết vô tình du,  
Tướng kỳ mạc Vân Hán.<sup>(2)</sup>*

---

(1). Tác giả có làm đến 4 bài “Nguyệt hạ độc chước”. Thứ tự từ bài 1 đến bài 4.

(2). **Vân Hán:** tức là sông Thiên Hà, nơi cao siêu trên trời.

Phiên dịch:

#### DUỐI TRĂNG UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH

*Trong hoa một bầu rượu,  
Mình ta lúy túy say.  
Cất chén mời trăng sáng,  
Vời bóng thành ba người.  
Trăng không hay thú rượu,  
Bóng theo chân ta hoài.  
Tạm cùng trăng với bóng,*

*Xuân đến cứ vui tươi.  
Ta ca: trăng bồi hồi,  
Ta múa bóng linh loạn.  
Lúc tỉnh cùng xum vui,  
Say rồi đều phân tán.  
Vô tình kết bạn chơi,  
Hẹn gặp nơi Vân Hán.*

NGUYỆT HẠ ĐỘC CHUỐC [II]

*Thiên nhược bất ai tửu,  
Tửu tính bất tại thiên.  
Địa nhược bất ái tửu,  
Địa ứng vô tửu tuyên.<sup>(1)</sup>  
Thiên địa ký ái tửu,  
Ái tửu bất qui thiên.  
Dĩ văn thanh tử thánh,<sup>(2)</sup>  
Phục đạo trọc như hiền.  
Hiền thánh ký dĩ ẩm,  
Hà tất cầu thần tiên?  
Tam bôi thông đại đạo,  
Nhất đấu hợp tự nhiên.  
Đân đặc thủy trung thú,  
Vật vi tỉnh giả truyền.*

- 
- (1). **Tửu tuyên:** suối rượu. Cũng là một tên của một quận đời Hán, vị trí ở đông bắc huyện Tửu Tuyên (vì nước ở đây có vị nồng như rượu, nên người ta dùng tên này để đặt tên quận), thuộc tỉnh Cam Túc.
- (2). **Hai câu 7 và 8:** Dẫn: Đời Ngụy, **Từ Mạo say rượu. Tiên Vu Bộ nói rằng:** “*Lúc bình*



---

*thời khách say gọi người uống rượu mà trong (thanh) là  
thánh nhân, người uống rượu mà đục (trọc) là hiền nhân”.*  
Hai chữ [thanh, trọc] dùng để chỉ người uống rượu.

Phiên dịch:

### DUỐI TRĂNG UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH

*Nếu trời không thích rượu,  
Sao rượu ở chi trời?  
Nếu đất không thích rượu,  
Suối rượu ở chi đời?  
Trời đất đã thích rượu,  
Thích rượu không thẹn trời.  
Đã nghe trong như thánh,  
Lại nói đục như hiền.  
Thánh hiền đều uống rượu,  
Thôi cầu chi thần tiên?  
Ba bôi thông đạo lớn,  
Một chén hợp tự nhiên.  
Cốt được thú trong rượu,  
Kẻ tỉnh mặc ai khen?*

### NGUYỆT HẠ ĐỘC CHUỐC [III]

*Tam nguyệt Hàm Dương thành,<sup>(1)</sup>  
Thiên hoa trú như cầm.  
Thùy năng xuân độc sâu,  
Đối thử kính tu ẩm.  
Cùng thông dữ tu đoản,  
Tạo hóa túc sở bảm.  
Nhất tôn tể tử sinh,*

*Vạn sự cố nan thắm,  
Túy hậu thất thiên địa,  
Ngột nhiên tựu cô chấm.  
Bất tri hữu ngô thân,  
Thử lạc tối vi thắm.*

---

(1). **Hàm Dương:** tên một huyện thuộc tỉnh Thiểm Tây, ở phía Bắc huyện Trường An.

Phiên dịch:

**DƯỚI TRĂNG UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH**

*Tháng ba thành Hàm Dương,  
Ngàn hoa đẹp như gấm.  
Ai kẻ riêng sầu xuân,  
Uống rượu mà suy ngẫm.  
Cùng thông với ngắn dài,  
Tạo hóa đã định sẵn.  
Sống chết một bài thơ,  
Muôn việc khôn lường đoán.  
Say rồi quên đất trời,  
Ôm gối ta say đắm.  
Không biết có thân ta,  
Vui ấy thật vui lắm.*

**NGUYỆT HẠ ĐỘC CHƯỐC (IV)**

*Cùng sầu thiên vạn đoan,  
Mỹ tửu tam bách bôi.  
Sầu đã tửu tuy thiếu,  
Tửu khuynh sầu bất lai.*

---

Sở dĩ tri tửu thánh,  
Tửu hàm tâm tị khai.  
Từ lúc ngộ Thủ Dương,<sup>(1)</sup>  
Lũ không ư Nhan Hôi.<sup>(2)</sup>  
Đang đại bất lạc âm,  
Hư danh an dụng tai!  
Giải ngao tức kim dịch,  
Tao khâu thị Bồng Lai.<sup>(3)</sup>  
Thả tu ẩm mỹ tửu,  
Thừa nguyệt túy cao đài.

- 
- (1). **Thủ Dương:** tên một ngọn núi, nơi Bá Di, thúc Tề ở ẩn, sau chết đói. Có người cho rằng ngọn núi này ở tỉnh Hà Bắc, nhưng cũng có thuyết nói rằng thuộc tỉnh Sơn Tây hay thuộc tỉnh Hà Nam.
- (2). **Nhan Hôi:** tức thầy Nhan Hôi, đệ tử của đức Khổng Phu Tử, nhà nghèo nhưng lúc nào cũng vẫn vui với đạo lành và vui vẻ.
- (3). **Bồng Lai:** Một ngọn núi tiên ở, tương truyền ở bể Bột Hải.

Phiên dịch:

### DUỐI TRĂNG UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH

Sầu cùng muôn vạn mối,  
Rượu ngon ba trăm bôi.  
Sầu nhiều rượu tuy ít,  
Uống rượu cho sầu lui.  
Uống rồi biết thánh rượu,  
Say rồi lòng phơi bày.  
Chê thóc nằm núi Thủ,  
Thường đời bụng Nhan Hôi.

Người đời không thú rượu,  
Danh hã có hơn ai?  
Có cua cùng rượu ngọt,  
Gò rượu là Bồng Lai.  
Rượu ngon ta hãy uống,  
Đài cao nường trăng say.

V.- XUÂN NHỰT TÚY KHỎI NGÔN CHÍ

Xử thế nhược đại mộng,  
Hỗ vi lao kỳ sinh?  
Sở dĩ chung nhật túy,  
Đồi nhiên ngoại tiền doanh.  
Giác lai miện đình tiền,  
Nhất điệu hoa gian minh.  
Tả vấn thử hà nhật?,  
Xuân phong ngữ lưu oanh.  
Cảm chi dục thán tức,  
Đối chi hoàn tự khuynh.  
Hạo ca đãi minh nguyệt,  
Khúc tận dĩ vong tình.

Phiên dịch:

NGÀY XUÂN UỐNG RƯỢU SAY

TRỞ DẬY NÓI CHÍ MÌNH

Đời như giấc mộng lớn,  
Nhọc mình mà làm chi?  
Suốt ngày say lúy túy,  
Trước hiên nằm li bì.

---

*Tình dây trong sân trước,  
Bụi hoa chim hót vang.  
Hôm nay ngày nào nhỉ?,  
Trong gió tiếng oanh vàng.  
Cảm xúc ta than thở,  
Đối cảnh ta nghiêng bình.  
Hát vang đợi trăng sáng,  
Hết khúc đã quên tình.*

Trong “**Cung oán ngâm khúc**” có câu:

*Câu cầm tú đàn anh họ Lý,  
Nét đàn thanh bạc chị chàng Vương.*

Trong “**Chiến tụng Tây Hồ phú**” cũng có câu:

*Trăng lặn xuống đáy hồ trong vầng vạc,  
Tưởng rằng ông Lý cõi kinh mô.*



---

## THÁNH GIÁO

LÝ THÁI BẠCH

GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO THÁI BẠCH KIM TINH,

Bản Đạo chào chư hiền đệ hiền muội.

THI:

*Tiên Phật là chi hời khách trần?*

*Chỗ nào khác với hạng phàm nhân?*

*Bến Mê bờ Giác chia đôi ngã.*

*Chẳng giác không mê sẽ được gần.*

Chư hiền đệ hiền muội đã có lòng thành tâm Tiên, Phật để học Đạo, đó là rất tốt, Bản Đạo chỉ cho thế giới Phật Tiên và thế giới phàm trần.

Từ xưa nay, người đời lầm tưởng rằng cách xa diệu vợi, non nước muôn trùng, hoặc từ chốn Tây Phương Cực Lạc quốc, hoặc từ nơi chín tầng mây xanh thăm thẳm, hoặc trên chót Hy Mã Lạp Sơn, v.v... Sự thật không phải vậy, hai thế giới đó chỉ cách có một lần ranh. Đó là con sông Nhược Thủy. Tiếng nói là con sông, nhưng chiều rộng của nó không bằng 1/4 sợi tóc. Con sông Nhược Thủy này có hai ven bờ. Bên bờ này sông gọi là bờ mê, bên kia ven sông gọi là bờ giác.

Phía bên bờ mê, có những người tự cho mình đã giác, cho nên khôn hơn thiên hạ, từ công danh đã cao, phú quý đã nhiều, đỉnh chung cũng lắm, bả danh lợi cũng không vừa. Hễ buông ra trường tranh danh, thì đủ mưu cao kế tuyệt, chước quỷ mưu thần. Vì thế nên đã tạo cái duyên khồng lồ, chính ví cái duyên ấy, tự trói trần ràng buộc suốt

đời này sang kiếp khác. Còn kể đến lãnh vực đạo đức tu hành thì họ cũng giác hơn thiên hạ, mở miệng ra thì thao thao bất tuyệt. Thiên cơ thời sự tiên tri, nào là nay tận thế, mai lập đời mới, mấy tháng nữa sẽ có gì xuất hiện và mấy năm nữa sẽ có Thánh Chúa ra đời v.v... Những cái giác nơi đây là cái giác vành môi, khước miệng, nhưng từ cổ trở vô vẫn trống không như cái mõ đình.

Than ôi! Đó là mê chớ phải nào đâu là giác, như vậy người tìm Đạo để tu hành sẽ phải căn cứ vào đâu để làm tiêu chuẩn cho đời mình, nếu cái chi khả dĩ gọi rằng tiêu chuẩn, thì đó cũng chỉ là danh từ tạm mượn để gọi mà thôi.

Bởi vì Đạo là cái gì không hình, không tướng, không tên không màu sắc, không giới hạn, không biên cương. Người tu tập buổi ban đầu có thể tạm dựa vào các tiêu chuẩn sau đây để làm hàng đôi tập viết, hoặc là cái khuôn để bành.

Lòng mình phải luôn chơn thành, hướng thiện bằng mọi cách, mọi giá, việc làm trong đời sống luôn luôn phải chơn thành, lương thiện. Kế đó là phải tập cho mình có một đức tin rằng mình không phải chỉ là một tấm thân nhục thể, chỉ sống được mấy mươi năm rồi tan rã như các loài vật khác, mà phải tin rằng ngoài tấm thân hình hài ô trược đó, nó còn có một phần vô hình siêu đẳng nữa. Chính cái phần vô hình siêu đẳng ấy là mầm sống bất diệt của Thượng Đế phát ban là chủ sử sai khiến xác thịt. Phần ấy nếu người biết trui rèn, giới luyện, tập tánh kiên nhẫn qua nhiều thời gian để cho nó được trưởng thành mãn tuệ, tinh khiết. Thức ăn của nó là tình thương, là lòng từ bi, bác ái, không chấp trước, không phiền não, sân si. Đồ mặc của nó là nơi thanh tịnh lặng lẽ. Muốn thấy nó



---

không thể dùng quang tuyến hoặc kiến hiển vi, mà phải dùng huệ nhãn hướng nội. Muốn có những điều kiện cho nó ăn và mặc, thì người phải tạo cho nó một đời sống đơn giản, lương thiện, thanh tịnh, từ ái, tinh khiết.

Phật Tiên xưa cũng theo đường ấy mà từ phàm nhân trở nên Thánh nhân và Siêu nhân. Thế nên đừng câu kỳ mà tìm Đạo hay tìm Phật Tiên ở chỗ phù chú, hô phong hoán vũ, hú gió kêu mưa, chỉ đá hóa vàng và cũng đừng tìm Đạo ở nơi âm thanh sắc tướng, mà phải tìm Đạo từ nơi trong mỗi người đã có sẵn rồi, nhưng nó đã bị vùi lấp dưới những mớ tro Tham, Sân, Si, Dục, Hi, Nộ, Ái, Ố...

*THẮNG*

---

*Tiểu Sử*  
**ĐỨC LÝ THÁI BẠCH**  
BIÊN KHẢO: **HUYỀN TÂM**